
CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ CẤP TRÊN
GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được soát xét bởi

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2-5
Báo cáo kết quả công tác soát xét	6
Báo cáo tài chính của đơn vị cấp trên giữa niên độ đã được soát xét	7-31
<i>Bảng cân đối kế toán của đơn vị cấp trên giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	7-10
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của đơn vị cấp trên giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	11
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cấp trên giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	12-13
<i>Bản thuyết minh Báo cáo tài chính của đơn vị cấp trên giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	14-31



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính của đơn vị cấp trên giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được soát xét.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam tiền thân là Công ty liên doanh Nagakawa Việt Nam thành lập và hoạt động theo Giấy phép đầu tư số 24/CP – VP ngày 22 tháng 08 năm 2002 do Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc cấp. Công ty được chuyển đổi hình thức sở hữu từ Công ty liên doanh Nagakawa Việt Nam thành doanh nghiệp Việt Nam theo quyết định số 853/QĐ-UBND ngày 21/03/2007 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1903000273 ngày 21 tháng 03 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được cấp 12 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi về việc thay đổi vốn, cơ cấu vốn điều lệ của cổ đông sáng lập và bổ sung ngành nghề kinh doanh. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12 số 2500217389 được phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 08 tháng 01 năm 2015 về việc bổ sung ngành nghề đăng ký kinh doanh.

Vốn điều lệ: 148.495.780.000 VND

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc
Điện thoại : 0211 873 568
Fax : 0211 873 569
E-mail : Info@nagakawa.com.vn
Mã số thuế : 2 5 0 0 2 1 7 3 8 9

Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng;
- Sản xuất đồ điện dân dụng. Chi tiết: Sản xuất đồ điện dân dụng, điều hòa không khí;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Phá dỡ và chuẩn bị mặt bằng;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán máy móc, thiết bị y tế; Mua bán dụng cụ y tế; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại;

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Sản xuất sắt, thép, gang;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Chi tiết: Thiết kế hệ thống thông gió, cấp nhiệt, điều hòa không khí công trình xây dựng; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng. Chi tiết: Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa (trừ răng giả, kính thuốc);
- Sản xuất thiết bị điện khác. Chi tiết: Sản xuất và mua bán máy móc thiết bị điện, vật liệu điện;
- Khai thác quặng sắt (Doanh nghiệp chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp phép theo quy định);
- Khai thác và mua bán đá, cát, sỏi, đất sét;
- Kho bãi và lưu trữ hàng hóa. Chi tiết: cho thuê kho bãi; kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt (Doanh nghiệp chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp phép theo quy định);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng;
- Mua bán sản xuất vật liệu xây dựng; Sản xuất và mua bán các loại vật tư ngành lạnh; Mua bán kim loại và quặng kim loại; Sản xuất hàng may mặc; Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc; Mua bán vải, hàng may sẵn, giày dép; Mua bán hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh; Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác; Mua bán phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại; Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh theo quy định hiện hành của Nhà nước./.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của đơn vị cấp trên được trình bày trong Báo cáo tài chính của đơn vị cấp trên giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 31).

Sự kiện quan trọng phát sinh trong kỳ và sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ngày 15 tháng 6 năm 2016 Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh kỹ thuật cao Gia Bình đã đăng ký tạm ngừng hoạt động kinh doanh. Tại thời điểm 30 tháng 6, Công ty đang còn dư phải thu tiền bán hàng với Công ty Gia Bình số tiền 1.415.887.882 VND, và ứng trước tiền hàng với Công ty Gia Bình số tiền: 1.050.000.000 VND, tổng cộng: 2.465.887.882 VND. Công ty đã thu toàn bộ số tiền trên bao gồm: 2.320.000.000 VND bằng tiền gửi ngân hàng và 145.887.882 VND bằng tiền mặt trong tháng 7 năm 2016 do đó Công ty không thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với khoản công nợ trên.

Ngoài sự kiện nêu trên, ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào khác xảy ra cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính của đơn vị cấp trên giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Đức Khả	Chủ tịch
Bà Đào Thị Soi	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Huyền Thương	Ủy viên
Ông Nguyễn Ngọc Quý	Ủy viên
Bà Trương Đào Hải Hà	Ủy viên

Ban kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Văn Hải	Trưởng ban
Bà Vũ Thị Hải Yến	Thành viên
Bà Chu Thị Hữu	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Đức Khả	Tổng Giám đốc
Bà Đào Thị Soi	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Huyền Thương	Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã soát xét Báo cáo tài chính của đơn vị cấp trên giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính của đơn vị cấp trên giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của đơn vị cấp trên trong từng kỳ kế toán. Trong việc lập Báo cáo tài chính của đơn vị cấp trên giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính của đơn vị cấp trên giữa niên độ; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/QĐ-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,
Tổng Giám đốc



Nguyễn Đức Khả

Ngày 12 tháng 8 năm 2016



Kết nối - Phát triển

Số : 2406.01.01/2016/NVT2-BCTC
Ngày : 12 tháng 8 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
Về Báo cáo tài chính của đơn vị cấp trên giữa niên độ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Kính gửi : **Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính của đơn vị cấp trên giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam, được lập ngày 12 tháng 8 năm 2016 từ trang 07 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán của đơn vị cấp trên giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của đơn vị cấp trên giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cấp trên giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính của đơn vị cấp trên giữa niên độ.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của đơn vị cấp trên giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính của đơn vị cấp trên giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính của đơn vị cấp trên giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính của đơn vị cấp trên giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính của đơn vị cấp trên giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT
Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên



Nguyễn Thị Hồng Thanh
GCNĐKHKT số: 0053-2014-124-1

Nguyễn Thị Hạnh
GCNĐKHKT số: 1690-2014-124-1

Trụ Sở Chính:
Số 187 đường Nguyễn Lương Bằng, P. Quang Trung, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội
[T] (84-4) 3761 3399 [F] (84-4) 3761 5599 [W] www.ntv.vn [E] vpa@ntv.vn

Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh:
Tòa nhà Hoàng Anh Safomec- 7/1 Thành Thái, P. 14, Q. 10, TP. Hồ Chí Minh

Chi nhánh tại Hà Nội:
47 Vũ Trọng Phụng, P. Thanh Xuân Trung, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Chi nhánh tại TP. Hải Phòng:
K3/125, Tô Hiệu, P. Trại Cau, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc
BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ CẤP TRÊN GIỮA NIÊN ĐỘ
 6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN CỦA ĐƠN VỊ CẤP TRÊN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		304.294.815.021	239.039.190.224
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	3.552.719.057	5.139.503.231
1. Tiền	111		1.052.719.057	5.139.503.231
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.500.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	280.099.050
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	-	280.099.050
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		180.986.578.142	168.735.977.723
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	41.303.933.377	51.626.732.820
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	18.348.908.682	10.915.984.509
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		95.320.106.423	64.886.226.539
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	8.700.000.000	14.990.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	22.663.655.189	27.665.389.880
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(5.350.025.529)	(1.348.356.025)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.8	114.389.069.814	63.848.368.613
1. Hàng tồn kho	141		117.806.362.101	64.640.597.866
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.417.292.287)	(792.229.253)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.366.448.008	1.035.241.607
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	1.087.321.859	1.034.770.290
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.894.374.453	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		384.751.696	471.317
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc
BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ CẤP TRÊN GIỮA NIÊN ĐỘ
 6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
Bảng cân đối kế toán của đơn vị cấp trên giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		44.013.931.606	34.988.187.707
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		18.641.937.044	20.475.504.629
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	18.641.937.044	20.475.504.629
<i>Nguyên giá</i>	222		86.101.213.632	85.968.352.192
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(67.459.276.588)	(65.492.847.563)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228	V.11	133.962.600	133.962.600
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(133.962.600)	(133.962.600)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		24.229.195.826	13.767.252.826
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.12	9.600.000.000	9.600.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.13	15.501.943.000	5.040.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.14	(872.747.174)	(872.747.174)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.142.798.736	745.430.252
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.15	1.142.798.736	745.430.252
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		348.308.746.627	274.027.377.931

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc
BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ CẤP TRÊN GIỮA NIÊN ĐỘ
 6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
Bảng cân đối kế toán của đơn vị cấp trên giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		180.812.212.844	110.637.057.780
I. Nợ ngắn hạn	310		180.415.503.944	110.175.368.880
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.16	94.857.013.716	17.020.985.811
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.17	-	192.473.820
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.18	9.426.385.544	10.912.645.409
4. Phải trả người lao động	314		292.558.708	558.328.302
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.19	241.919.738	345.124.819
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.20	4.523.780.648	58.127.812
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.21	68.568.000.059	79.376.118.961
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.22	2.448.322.498	1.654.040.913
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		57.523.033	57.523.033
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		396.708.900	461.688.900
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.23	379.250.000	444.230.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.24	17.458.900	17.458.900
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc
BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ CẤP TRÊN GIỮA NIÊN ĐỘ
 6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
Bảng cân đối kế toán của đơn vị cấp trên giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		167.496.533.783	163.390.320.151
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.25	167.496.533.783	163.390.320.151
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		148.495.780.000	148.495.780.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		148.495.780.000	148.495.780.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.672.110.000	5.672.110.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(20.000)	(20.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.500.593.946	3.500.593.946
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		9.828.069.837	5.721.856.205
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		2.518.012.253	(5.994.225.348)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		7.310.057.584	11.716.081.553
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		348.308.746.627	274.027.377.931

Người lập biểu



Nguyễn Lan Phương

Kế toán trưởng



Huy Thị Dung

Lập ngày 12 tháng 8 năm 2016

Tổng giám đốc



Nguyễn Đức Khả

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc
BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ CẤP TRÊN GIỮA NIÊN ĐỘ
 6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 CỦA ĐƠN VỊ CẤP TRÊN GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	210.421.690.749	158.225.813.624
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	1.707.269.248	1.944.903.464
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		208.714.421.501	156.280.910.160
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	186.949.667.303	147.699.640.506
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		21.764.754.198	8.581.269.654
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	800.687.868	530.404.423
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	3.061.591.604	2.869.830.910
Trong đó: chi phí lãi vay	23		2.955.199.709	2.393.054.973
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	4.497.451.732	1.963.136.354
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	8.161.161.502	6.131.115.062
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.845.237.228	(1.852.408.249)
11. Thu nhập khác	31	VI.8	3.144.167.460	3.154.482.059
12. Chi phí khác	32	VI.9	391.837.947	289.906.113
13. Lợi nhuận khác	40		2.752.329.513	2.864.575.946
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		9.597.566.741	1.012.167.697
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.10	2.287.509.157	2.556.376.360
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>7.310.057.584</u>	<u>(1.544.208.663)</u>

Lập ngày 12 tháng 8 năm 2016

Người lập biểu



Nguyễn Lan Phương

Kế toán trưởng



Huy Thị Dung

Tổng giám đốc



Nguyễn Đức Khả

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc
BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ CẤP TRÊN GIỮA NIÊN ĐỘ
 6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ CỦA ĐƠN VỊ CẤP TRÊN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Đơn vị tính: VND	
		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	9.597.566.741	1.012.167.697
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	1.966.429.025	2.268.409.045
- Các khoản dự phòng	03	7.421.014.123	93.811.891
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	31.395.172
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(696.241.935)	(528.808.401)
- Chi phí lãi vay	06	2.955.199.709	2.393.054.973
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	21.243.967.663	5.270.030.377
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(30.833.606.011)	(37.484.488.324)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(53.165.764.235)	(10.009.277.865)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	75.363.907.316	48.336.177.984
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(449.920.053)	(445.728.842)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(2.976.920.681)	(2.491.564.152)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(579.567.072)	(675.828.238)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	8.602.096.927	2.499.320.940
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(144.058.184)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(9.500.000.000)	(13.780.099.050)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	6.033.035.050	18.080.099.050
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	4.250.000.000	2.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	45.240.935	528.808.401
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	684.217.801	6.828.808.401

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ CẤP TRÊN GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cấp trên giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		133.598.693.113	89.320.312.132
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(144.471.792.015)	(98.124.803.790)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(10.873.098.902)	(8.804.491.658)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(1.586.784.174)	523.637.683
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	5.139.503.231	2.311.543.349
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	(1.582.738)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	3.552.719.057	2.833.598.294

Người lập biểu

Nguyễn Lan Phương

Kế toán trưởng

Huy Thị Dung

Lập ngày 12 tháng 8 năm 2016

Tổng giám đốc



Nguyễn Đức Khả

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ CẤP TRÊN GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ CẤP TRÊN GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. **Hình thức sở hữu vốn:** Công ty Cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh:** Sản xuất, thương mại
3. **Hoạt động kinh doanh chính trong kỳ:**
 - Sản xuất, mua bán, lắp đặt hệ thống thông gió, điều hòa không khí.
4. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Trong vòng 12 tháng
5. **Sự kiện quan trọng ảnh hưởng đến tình hình hoạt động của Công ty:**

Ngày 15 tháng 6 năm 2016 Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh kỹ thuật cao Gia Bình đã đăng ký tạm ngừng hoạt động kinh doanh. Tại thời điểm 30 tháng 6, Công ty đang còn dư phải thu tiền bán hàng với Công ty Gia Bình số tiền 1.415.887.882 VND, và ứng trước tiền hàng với Công ty Gia Bình số tiền: 1.050.000.000 VND, tổng cộng: 2.465.887.882 VND. Công ty đã thu toàn bộ số tiền trên bao gồm: 2.320.000.000 VND bằng tiền gửi ngân hàng và 145.887.882 VND bằng tiền mặt trong tháng 7 năm 2016 do đó Công ty không thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với khoản công nợ trên.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ CẤP TRÊN GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh báo cáo tài chính của đơn vị cấp trên giữa niên độ (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

2. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được hạch toán theo nguyên tắc giá gốc và các khoản dự phòng.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Tại thời điểm lập báo cáo này phần mềm máy vi tính đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng.

101
38
NG
HIỆM
A T
TÂN
A -

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ CẤP TRÊN GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh báo cáo tài chính của đơn vị cấp trên giữa niên độ (tiếp theo)

Các tài sản cố định còn lại được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc và thiết bị	06 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03
Tài sản cố định khác	03

5. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Là chi phí phục vụ cho nhiều kỳ sản xuất kinh doanh, được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian không quá 03 năm.

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ, được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

7. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Phản ánh các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính của doanh nghiệp.

Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí phát sinh trong kỳ.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Dự phòng phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền chi cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ có tính chất kế hoạch và xảy ra thường xuyên.

Dự phòng phải trả của Công ty là các khoản dự phòng bảo hành sản phẩm được lập cho từng loại sản phẩm có cam kết bảo hành với mức trích lập theo các cam kết với khách hàng.

101
A
T
N
82
TY
HỮU
OÁ
I VI
T.P

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ CẤP TRÊN GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh báo cáo tài chính của đơn vị cấp trên giữa niên độ (tiếp theo)

Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành của Công ty được ước tính bằng 1% trên doanh thu thuần đối với sản phẩm là điều hòa nhiệt độ và 0,5% trên doanh thu thuần đối với hàng gia dụng và được thực hiện vào cuối năm tài chính. Từ năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty thực hiện thay đổi ước tính kế toán trên và thực hiện trích lập dự phòng tại từng thời điểm lập Báo cáo tài chính để phù hợp quy định thông tư 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày 30/6/2016 : 22.270 VND/USD

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

14. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái....

15. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ CẤP TRÊN GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh báo cáo tài chính của đơn vị cấp trên giữa niên độ (tiếp theo)

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm là thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng là 20%.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN CỦA ĐƠN VỊ CẤP TRÊN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	519.465.174	669.423.126
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	533.253.883	4.470.080.105
Các khoản tương đương tiền	2.500.000.000	-
<i>Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng</i>	<i>2.500.000.000</i>	<i>-</i>
Cộng	<u>3.552.719.057</u>	<u>5.139.503.231</u>

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 03 tháng.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>26.851.704.740</i>	<i>16.612.672.940</i>
Công ty TNHH Phát Triển Kinh Tế Quốc Tế Anh Vũ	15.711.654.300	15.671.136.602
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Kỹ Thuật Nagakawa	11.140.050.440	941.536.338
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>14.452.228.637</i>	<i>35.014.059.880</i>
Công ty CP cơ điện lạnh kỹ thuật cao Gia Bình	1.415.887.882	19.635.541.582
Công ty CP đầu tư Xây dựng và Thương mại Tân Việt Hưng	8.554.732.000	5.872.009.400
Các khách hàng khác	4.481.608.755	9.506.508.898
Cộng	<u>41.303.933.377</u>	<u>51.626.732.820</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ CẤP TRÊN GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh báo cáo tài chính của đơn vị cấp trên giữa niên độ (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước cho người bán khác	18.348.908.682	10.915.984.509
Công ty CP Điện Gia Dụng Nagakawa	1.300.951.400	1.300.951.400
Công ty CP cơ điện lạnh Hoàn Kiếm	1.224.076.704	1.224.076.704
Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ Hoàng Diệp	1.825.993.920	-
Công ty CP cơ điện lạnh kỹ thuật cao Gia Bình	1.050.000.000	1.050.000.000
Công ty TNHH Thương Mại Và Tư Vấn Kỹ thuật-Cao	4.104.483.044	-
Công ty Cổ Phần Đông Thụy Anh	1.500.000.000	1.178.228.950
Các nhà cung cấp khác	7.343.403.614	6.162.727.455
Cộng	18.348.908.682	10.915.984.509

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bà Phạm Thị Lan Anh vay với lãi suất 09%/năm	2.700.000.000	2.700.000.000
Bà Đào Thị Hoa vay với lãi suất 09%/năm	4.000.000.000	-
Bà Đỗ Thị Thuận vay với lãi suất 09%/năm	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty Cổ phần may KLV Việt Nam vay với lãi suất 8%/năm	-	10.290.000.000
Cộng	8.700.000.000	14.990.000.000

6. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	12.961.000.000	-	17.828.728.000	-
Công ty TNHH Phát Triển Kinh Tế Quốc Tế Anh Vũ	4.800.000.000	-	9.050.000.000	-
Ông Nguyễn Đức Khả - Tạm ứng hoạt động đầu tư	8.161.000.000	-	8.761.000.000	-
Lãi vay phải thu Công ty Cổ phần may KLV Việt Nam	-	-	17.728.000	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	9.767.774.189	-	9.836.661.880	-
Ký cược, ký quỹ	990.955.219	-	617.123.113	-
Lãi vay phải thu	423.275.000	-	179.425.000	-
Tạm ứng	7.035.895.522	-	9.040.113.767	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.252.529.448	-	-	-
Cộng	22.663.655.189	-	27.665.389.880	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ CẤP TRÊN GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh báo cáo tài chính của đơn vị cấp trên giữa niên độ (tiếp theo)

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Tình hình biến động các khoản dự phòng trong kỳ:

	Nợ phải thu, cho vay ngắn hạn	Nợ phải thu, cho vay dài hạn	Cộng
Số đầu năm	(1.348.356.025)	-	(1.348.356.025)
Trích lập dự phòng bổ sung	(4.001.669.504)	-	(4.001.669.504)
Số cuối kỳ	(5.350.025.529)	-	(5.350.025.529)

8. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	23.328.504.090	302.826.674	33.995.690.717	348.820.586
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.799.184.788	-	1.799.184.788	-
Thành phẩm	13.888.874.226	1.489.115.702	23.085.038.505	257.313.720
Hàng hóa	78.789.798.997	1.625.349.911	5.760.683.856	186.094.947
Cộng	117.806.362.101	3.417.292.287	64.640.597.866	792.229.253

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này
	Năm nay
Số đầu năm	(792.229.253)
Trích lập dự phòng bổ sung	(3.001.391.771)
Hoàn nhập dự phòng	376.328.737
Số cuối kỳ	(3.417.292.287)

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền thuê văn phòng, thuê kho	683.541.819	683.541.819
Công cụ dụng cụ xuất dùng	53.580.304	-
Tiền thuê đất, thuế đất	259.114.187	-
Chi phí bảo hiểm tài sản	3.912.197	27.385.379
Chi phí sửa chữa xe ô tô	25.153.769	100.838.540
Chi phí quảng cáo	-	3.095.750
Biển hiệu quảng cáo	49.469.583	208.980.468
Bảo trì phần mềm kế toán và Hải quan	583.333	6.063.333
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	11.966.667	4.865.000
Cộng	1.087.321.859	1.034.770.290

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc
BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ CẤP TRÊN GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính của đơn vị cấp trên giữa niên độ (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	24.608.399.873	59.967.793.068	1.191.973.334	156.607.280	43.578.637	85.968.352.192
XDCB hoàn thành	132.861.440	-	-	-	-	132.861.440
Số cuối năm	24.741.261.313	59.967.793.068	1.191.973.334	156.607.280	43.578.637	86.101.213.632
<i>Trong đó:</i>						
Đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng	1.295.250.622	33.389.510.500	1.191.973.334	156.607.280	43.578.637	36.076.920.373
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	12.557.760.021	51.542.928.291	1.191.973.334	156.607.280	43.578.637	65.492.847.563
Tăng do trích khấu hao	618.597.526	1.347.831.499	-	-	-	1.966.429.025
Số cuối năm	13.176.357.547	52.890.759.790	1.191.973.334	156.607.280	43.578.637	67.459.276.588
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	12.050.639.852	8.424.864.777	-	-	-	20.475.504.629
Số cuối kỳ	11.564.903.766	7.077.033.278	-	-	-	18.641.937.044

Một số tài sản có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 60.968.342.362 VND và 17.969.232.943 VND đang được thế chấp tại Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam – Chi nhánh Thăng Long bao gồm toàn bộ nhà xưởng và một phần máy móc thiết bị phục vụ sản xuất điều hòa.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ CẤP TRÊN GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính của đơn vị cấp trên giữa niên độ (tiếp theo)

11. Tài sản cố định vô hình

Là phần mềm máy vi tính có nguyên giá 133.962.600 VND, thời gian khấu hao 03 năm, đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng.

12. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển kỹ thuật Nagakawa	960.000	9.600.000.000	960.000	9.600.000.000
Cộng		9.600.000.000		9.600.000.000

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Kỹ thuật Nagakawa số tiền 9.600.000.000 VND, tương đương 80% vốn điều lệ. Hiện tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển kỹ thuật Nagakawa đang hoạt động bình thường trong lĩnh vực lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng hệ thống điều hòa không khí.

13. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển hạ tầng Nagakawa (*)	504.000	5.040.000.000	504.000	5.040.000.000
Công ty Cổ phần may KLV Việt Nam (**)		10.461.943.000		-
Cộng		15.501.943.000		5.040.000.000

(*) Là khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển hạ tầng Nagakawa với tỷ lệ cổ phần sở hữu theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 28%. Tính đến thời điểm 30 tháng 6 năm 2016, Công ty góp đủ vốn theo cam kết chiếm 100% vốn thực góp tại Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển hạ tầng Nagakawa.

(**) Là khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần may KLV với tỷ lệ cổ phần sở hữu theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 48% tương ứng 1.200.000 cổ phần, giá trị cổ phần 12.000.000.000 VND. Tính đến thời điểm 30 tháng 6 năm 2016, Công ty góp đã thực góp 10.461.943.000 VND, dự kiến Công ty sẽ góp đủ vốn theo cam kết trong tháng 7 năm 2016.

14. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng khoản lỗ của Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển hạ tầng Nagakawa	(872.747.174)	(872.747.174)
Cộng	(872.747.174)	(872.747.174)

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ CẤP TRÊN GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính của đơn vị cấp trên giữa niên độ (tiếp theo)**15. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
CCDC xuất dung	172.052.599	194.787.036
Chi phí sửa chữa xe ô tô	34.622.046	63.678.466
Phí thiết kế thi công nội thất, nhà xưởng	-	3.352.090
Biển hiệu quảng cáo	8.699.271	23.296.313
Chi phí cải tạo, sửa chữa nhà máy	186.296.528	268.986.322
Chi phí đo thử nghiệm EMC và hiệu suất năng lượng điều hòa và tủ đông	723.074.998	172.116.667
Chi phí trả trước dài hạn khác	18.053.295	19.213.358
Cộng	<u>1.142.798.736</u>	<u>745.430.252</u>

16. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>52.919.084.836</i>	-
Công ty TNHH Phát Triển Kinh Tế Quốc Tế Anh Vũ	52.919.084.836	-
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>41.937.928.880</i>	<i>17.020.985.811</i>
TCL air conditioner (Zhongshan) co., ltd	25.431.325.438	6.431.669.763
Guangdong Chigo heating and ventilation equipment co.,ltd	9.460.907.650	-
Guangdong Chigo air conditioning co.,ltd	-	2.299.808.944
Công ty TNHH Thương Mại Và Tư Vấn Kỹ thuật Cao	-	5.696.242.141
Hisense ronshen (guangdong) freezer co., ltd	6.182.072.580	-
Các nhà cung cấp khác	863.623.212	2.593.264.963
Cộng	<u>94.857.013.716</u>	<u>17.020.985.811</u>

17. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần công nghệ liên kết Truyền thông	-	192.473.820
Cộng	<u>-</u>	<u>192.473.820</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ CẤP TRÊN GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính của đơn vị cấp trên giữa niên độ (tiếp theo)**18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.348.886.202	-	982.128.849	2.310.686.470	1.020.328.581	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	11.947.679.148	11.947.679.148	-	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt - hàng nhập khẩu	-	-	7.309.220.726	7.380.869.663	-	71.648.937
Thuế tiêu thụ đặc biệt - hàng sản xuất	5.291.459.626	-	2.544.620.183	4.641.979.886	3.194.099.923	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	471.317	11.394.928.580	11.705.692.422	-	311.235.159
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.264.949.055	-	2.287.509.157	579.567.072	4.672.946.580	-
Thuế thu nhập cá nhân	7.350.526	-	8.504.068	12.964.468	2.890.126	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	236.175.774	-	236.175.774	-
Thuế bảo vệ môi trường	-	-	50.052.600	50.052.600	-	-
Các loại thuế khác	-	-	-	1.867.600	-	1.867.600
Cộng	10.912.645.409	471.317	36.760.819.085	38.631.359.329	9.426.385.544	384.751.696

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng là 20%.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác, Công ty kê khai và nộp theo quy định.

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	81.360.647	103.081.619
Chi phí vật tư lắp đặt công trình Học viện quốc phòng	-	242.043.200
Chi phí khác	160.559.091	-
Cộng	241.919.738	345.124.819

20. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội	55.551.780	42.473.088
Bảo hiểm y tế	9.162.029	6.373.396
Bảo hiểm thất nghiệp	4.193.439	3.696.744
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	3.203.843.952	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.251.029.448	5.584.584
Cộng	4.523.780.648	58.127.812

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ CẤP TRÊN GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính của đơn vị cấp trên giữa niên độ (tiếp theo)

21. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn ngân hàng	68.438.040.059	68.438.040.059	79.246.158.961	79.246.158.961
NH TMCP Đại Chúng VN- CN Thăng Long (a)	53.732.333.424	53.732.333.424	77.446.467.261	77.446.467.261
Ngân hàng NN và PTNT Phúc Yên (b)	1.799.691.700	1.799.691.700	1.799.691.700	1.799.691.700
NH TMCP Quân Đội - CN Thăng Long- PGD Lê Trọng Tấn (c)	2.104.570.688	2.104.570.688	-	-
NH TMCP Vietinbank - CN Bắc Thăng Long (d)	10.801.444.247	10.801.444.247	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.23)	129.960.000	129.960.000	129.960.000	129.960.000
Ngân hàng TMCP Vietinbank - CN Bắc Thăng Long	129.960.000	129.960.000	129.960.000	129.960.000
Cộng	<u>68.568.000.059</u>	<u>68.568.000.059</u>	<u>79.376.118.961</u>	<u>79.376.118.961</u>

(a) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 07/2016/HMTD/PVBTL-Nagakawa ký ngày 06/06/2016, tổng hạn mức tín dụng tại mọi thời điểm không vượt quá 120 tỷ đồng. Trong đó dư nợ cho vay, phát hành LC và bảo lãnh thanh toán tối đa là 100 tỷ đồng, số tiền cấp bảo lãnh tối đa là 20 tỷ đồng, hạn mức tín dụng trên bao gồm toàn bộ dư nợ Hợp đồng hạn mức tín dụng số 14/2015/HMTD/PVBTL-Nagakawa ngày 19/6/2015. Thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày 05/06/2015, thời hạn cho vay tối đa 06 tháng, lãi suất cho vay được ghi cụ thể trong mỗi khế ước nhận nợ, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Gốc vay được trả hết vào ngày kết thúc thời hạn vay theo từng khế ước nhận nợ và lãi vay được trả định kỳ vào ngày 26 hàng tháng. Hợp đồng vay được bảo đảm bằng:

+ Bất động sản tại số nhà 112 ngõ 115/206 đường Trường Chinh, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội thuộc quyền sở hữu của Bà Đào Thị Soi và Ông Nguyễn Đức Khả theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 10111071095.

+ Bất động sản tại số 05, ngách 105, ngõ Xã Đàn 2, phường Nam Đồng, quận Đống Đa, TP Hà Nội, thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Mạnh Cường và bà Nguyễn Thị Huyền Thương theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 010913519700112.

+ Bất động sản tại số 106 ngõ 155/206 đường Trường Chinh phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội thuộc quyền sở hữu của bà Đào Thị Soi và ông Nguyễn Đức Khả theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất số 10111071019.

+ Bất động sản tại thửa đất số 72.1, tờ bản đồ số 14, phường Định Công, quận Hoàng Mai, Hà Nội thuộc sở hữu của bà Đào Thị Soi và ông Nguyễn Đức Khả theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI272273.

+ Bất động sản tại thửa đất số 13, tờ bản đồ số 27, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, Hà Nội, thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Đình Tấn và bà Đào Thị Hoa theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 750752.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ CẤP TRÊN GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính của đơn vị cấp trên giữa niên độ (tiếp theo)

+ Toàn bộ nhà xưởng trên đất tại thửa đất số 340, tờ bản đồ số 26, phường Phúc Thắng, Phúc Yên, Vĩnh Phúc thuộc sở hữu của Công ty.

+ Hệ thống máy móc thiết bị, điều hòa, tủ đông thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam Chi tiết về tài sản đảm bảo được thể hiện tại hợp đồng thế chấp số 07/2014/HĐTC/PVBTL-Nagakawa ký ngày 31/10/2014.

+ Cổ phiếu do Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam phát hành thuộc sở hữu của Công ty TNHH PTKT Quốc tế Anh Vũ thể hiện trên hợp đồng cầm cố cổ phiếu niêm yết số 08/2014/HĐCC/PVBTL-AnhVu ký ngày 31/10/2014.

+ Cổ phiếu do Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam phát hành thuộc sở hữu của ông Nguyễn Đức Khả thể hiện trên hợp đồng cầm cố cổ phiếu niêm yết số 10/2014/HĐCC/PVBTL-ONGKHA ký ngày 31/10/2014.

+ Hàng tồn kho luân chuyển thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam, chi tiết về hàng hóa được thể hiện trên hợp đồng thế chấp hàng hóa số 12/2014/HĐTC/PVBTL-NAGAKAWA ký ngày 31/10/2014.

+ Thế chấp tối thiểu 40% cổ phần Công ty dệt may KLV thuộc sở hữu của cổ đông với giá trị sổ sách tối thiểu 20 tỷ đồng.

(b) Là khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Phúc Yên theo hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 2890LAV201402733 ngày 30 tháng 12 năm 2014 với tổng mức cấp tín dụng tối đa là 1,8 tỷ, thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Mục đích vay nhằm thanh toán tiền mua nguyên vật liệu phục vụ sản xuất máy điều hòa. Thời hạn vay là 10 tháng kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2014, lãi suất tại thời điểm vay là 10%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn, tiền lãi vay được trả định kỳ 03 tháng/lần. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

(c) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Thăng Long theo hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 24827.16.068.879737.TD ngày 28 tháng 6 năm 2016 với hạn mức cho vay, bảo lãnh thanh toán, phát hành L/C: 30 tỷ, hạn mức bảo lãnh 10 tỷ, thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, thời hạn cho vay được ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá tám tháng. Mục đích vay nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất các mặt hàng điện lạnh của khách hàng năm 2016 - 2017. Lãi suất, ngày điều chỉnh lãi suất, kỳ điều chỉnh lãi suất theo văn bản nhận nợ của Ngân hàng. Tài sản đảm bảo là các mặt hàng thành phẩm do khách hàng sản xuất có thời hạn tối đa không quá 1 năm tính đến thời điểm nhận thế chấp, được để tại kho riêng, có khóa riêng và có bảo vệ do Ngân hàng chỉ định, được thế chấp và đăng ký giao dịch đảm bảo theo đúng quy định, không bị trùng với các tổ chức tín dụng khác.

(d) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Thăng Long theo hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 80/2016-HĐTDHM/NHCT145-PGDBH-NAGAKAWA ngày 06 tháng 4 năm 2016 với tổng mức cấp tín dụng tối đa là 20 tỷ đồng, thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, thời hạn cho vay được ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá tám tháng. Mục đích vay nhằm thanh toán các chi phí phục vụ hoạt động kinh doanh. Lãi suất cho vay được ghi trên từng giấy nhận nợ, được xác định điều chỉnh một tháng một lần. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ CẤP TRÊN GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính của đơn vị cấp trên giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	79.246.158.961	133.598.693.113	-	144.406.812.015	68.438.040.059
Vay dài hạn đến hạn trả	129.960.000	-	64.980.000	64.980.000	129.960.000
Cộng	79.376.118.961	133.598.693.113	64.980.000	144.471.792.015	68.568.000.059

22. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Là dự phòng phải trả ngắn hạn cho hoạt động bảo hành sản phẩm tiêu thụ và bảo hành công trình xây lắp. Chi tiết phát sinh trong kỳ của khoản dự phòng phải trả ngắn hạn như sau:

	Kỳ này
Số đầu năm	1.654.040.913
Tăng do trích lập trong kỳ	1.554.268.198
Số đã sử dụng trong kỳ	(759.986.613)
Số cuối kỳ	2.448.322.498

23. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
Vay dài hạn ngân hàng	379.250.000	379.250.000	444.230.000	444.230.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- CN Bắc Thăng Long (a)	379.250.000	379.250.000	444.230.000	444.230.000
Cộng	379.250.000	379.250.000	444.230.000	444.230.000

(a) Là khoản vay ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Thăng Long theo hợp đồng tín dụng số 59/2015-HĐTDDA/NHCT145-PGDBH-Nagakawa ký ngày 11/05/2015, mục đích vay: thanh toán tiền mua xe ô tô Kia Sorento, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất 8,5%/năm và được điều chỉnh 01 tháng/lần. Gốc và lãi được trả định kỳ vào ngày 25 hàng tháng và bắt đầu từ ngày 25/06/2015. Hợp đồng vay này được đảm bảo bằng hợp đồng thế chấp động sản số 58/2015/HĐTC-NHCT145-PGDBH ký ngày 11/05/2015, tài sản thế chấp là xe ô tô Kia Sorento, tài sản thuộc Chi nhánh Hà Nội được định giá giá trị một tỷ đồng.

Chi tiết phát sinh khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

	Năm nay
Số đầu năm	444.230.000
Số tiền vay phát sinh	-
Số tiền vay đã trả	-
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(64.980.000)
Số cuối kỳ	379.250.000

24. Dự phòng phải trả dài hạn

Là dự phòng phải trả dài hạn cho hoạt động bảo hành công trình xây lắp.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ CẤP TRÊN GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính của đơn vị cấp trên giữa niên độ (tiếp theo)

25. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	148.495.780.000	5.672.110.000	(20.000)	3.500.593.946	(5.994.225.348)	151.674.238.598
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	11.716.081.553	11.716.081.553
Số dư cuối năm trước	148.495.780.000	5.672.110.000	(20.000)	3.500.593.946	5.721.856.205	163.390.320.151
Số dư đầu năm nay	148.495.780.000	5.672.110.000	(20.000)	3.500.593.946	5.721.856.205	163.390.320.151
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	-	7.310.057.584	7.310.057.584
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	-	-	(3.203.843.952)	(3.203.843.952)
Số dư cuối kỳ này	148.495.780.000	5.672.110.000	(20.000)	3.500.593.946	9.828.069.837	167.496.533.783

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	148.495.780.000	148.495.780.000
Thặng dư vốn cổ phần	5.672.110.000	5.672.110.000
Cổ phiếu quỹ	(20.000)	(20.000)
Cộng	154.167.870.000	154.167.870.000

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.849.578	14.849.578
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	14.849.578	14.849.578
- Cổ phiếu phổ thông	14.849.578	14.849.578
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(2)	(2)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.849.576	14.849.576
- Cổ phiếu phổ thông	14.849.576	14.849.576

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phần.

Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán

A, Ngoại tệ các loại

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	664,38	668,45

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ CẤP TRÊN GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính của đơn vị cấp trên giữa niên độ (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA ĐƠN VỊ CẤP TRÊN GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	210.421.690.749	155.538.732.993
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	2.687.080.631
Cộng	210.421.690.749	158.225.813.624

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Hàng bán bị trả lại	1.707.269.248	1.944.903.464
Cộng	1.707.269.248	1.944.903.464

3. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	184.324.604.269	145.015.304.704
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	2.684.335.802
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2.625.063.034	-
Cộng	186.949.667.303	147.699.640.506

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	39.948.306	524.302.233
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	5.292.629	4.581.268
Lãi tiền cho vay	651.001.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	104.445.933	1.520.922
Cộng	800.687.868	530.404.423

5. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	2.955.199.709	2.393.054.973
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	106.391.895	346.330.904
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	130.445.033
Cộng	3.061.591.604	2.869.830.910

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ CẤP TRÊN GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính của đơn vị cấp trên giữa niên độ (tiếp theo)**6. Chi phí bán hàng**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	291.883.480	201.311.547
Chi phí vật liệu, bao bì	7.536.818	-
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	20.955.150	1.800.000
Chi phí bảo hành	1.650.974.243	260.092.972
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.128.262.717	211.416.366
Chi phí bằng tiền khác	397.839.324	1.288.515.469
Cộng	4.497.451.732	1.963.136.354

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	1.034.094.288	913.423.973
Chi phí vật liệu quản lý	22.445.755	20.015.273
Chi phí đồ dùng văn phòng	56.073.501	67.740.861
Chi phí khấu hao tài sản cố định	598.646.992	278.595.138
Thuế, phí và lệ phí	262.114.188	190.594.121
Chi phí dự phòng	4.001.669.504	1.348.356.025
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.154.896.010	2.426.679.443
Chi phí bằng tiền khác	1.031.221.264	885.710.228
Cộng	8.161.161.502	6.131.115.062

8. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu cho thuê văn phòng, nhà xưởng	3.143.454.538	3.151.636.357
Thu nhập khác	712.922	2.845.702
Cộng	3.144.167.460	3.154.482.059

9. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Phạt do vi phạm hợp đồng	96.236.910	-
Phạt truy thu thuế	295.601.035	286.644.054
Lãi chậm nộp bảo hiểm	-	2.922.285
Chi phí khác	2	339.774
Cộng	391.837.947	289.906.113

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ CẤP TRÊN GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính của đơn vị cấp trên giữa niên độ (tiếp theo)**10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế của đơn vị cấp trên	9.597.566.741
Lợi nhuận kế toán trước thuế của các Chi nhánh	1.367.823.692
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	472.155.351
- Các khoản điều chỉnh tăng	472.155.351
Tiền phạt truy thu thuế tại Văn phòng	295.601.035
Thù lao hội đồng quản trị, ban kiểm soát không điều hành	44.655.208
Chi phí tài trợ	131.899.108
- Các khoản điều chỉnh giảm	-
Tổng thu nhập chịu thuế	11.437.545.784
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	2.287.509.157
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	-
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	2.287.509.157

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ CỦA ĐƠN VỊ CẤP TRÊN GIỮA NIÊN ĐỘ**Giao dịch không bằng tiền**

Trong kỳ công ty phát sinh giao dịch không bằng tiền như sau:

	<u>Kỳ này</u>
Chuyển khoản cho vay thành đầu tư góp vốn liên kết	10.037.064.000
Chuyển khoản lãi cho vay thành đầu tư góp vốn liên kết	424.879.000
Cộng	10.461.943.000

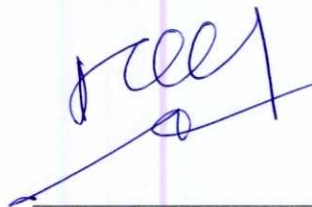
Lập ngày 12 tháng 8 năm 2016

Người lập biểu



Nguyễn Lan Phương

Kế toán trưởng



Huy Thị Dung

Tổng Giám đốc



Nguyễn Đức Khả